MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2

###### MÔN: CÔNG NGHỆ 11 – CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | |  | | **Tổng** | | | **%**  **tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | **Thời gian**  **(phút)** |
| **Số**  **CH** | **Thời gian**  **(phút)** | | **Số**  **CH** | **Thời gian**  **(phút)** | **Số**  **CH** | **Thời gian**  **(phút)** | **Số**  **CH** | **Thời gian**  **(phút)** | **TN** | **TL** |
| **1** | **4. Phòng, trị bệnh cho vật nuôi** | 4.1. Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi. | 2 | 1,5 | | 2 | 3,0 |  |  |  |  | 4 | 0 | 4,5 | 10,0 |
| 4.2. Một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi (đặc điểm, nguyên nhân và biện pháp phòng, trị). | 4 | 3,0 | | 3 | 4,5 | 1 | 5 |  |  | 7 | 1 | 12,5 | 27,5 |
|  |  | 4.3. Một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. | 3 | 2,25 |  | 2 | 3,0 |  |  |  |  | 5 | 0 | 5,25 | 12,5 |
| **2** | **5. Công nghệ chăn nuôi** | 5.1. Chuồng nuôi và bảo vệ môi  trường trong chăn nuôi | 3 | 2,25 |  | 2 | 3,0 |  |  |  |  | 5 | 0 | 5,25 | 12,5 |
| 5.2. Quy trình nuôi  dưỡng và chăm sóc vật nuôi phổ biến. | 4 | 3,0 |  | 3 | 4,5 | 1 | 10 |  |  | 7 | 1 | 17,5 | 37,5 |
| **Tổng** | |  | **16** | **12** |  | **12** | **18** | **2** | **15** |  |  | **28** | **2** | **45** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | |  |  | **40** |  |  | **30** |  | **30** |  | **0** |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ chung %)** | |  |  |  | **70** | |  |  |  | **30** |  |  |  |  |  |

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2

###### MÔN: CÔNG NGHỆ 11– CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI THỜI GIAN LÀM BÀI: 45phút

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận**  **dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **4. Phòng trị bệnh cho vật nuôi** | 4.1. Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi. | **Nhận biết:**   * Trình bày được khái niệm, tác hại của bệnh trong chăn nuôi. * Kể tên được một số loại bệnh phổ biến ở vật nuôi. * Kể tên được các biện pháp phòng, trị bệnh phổ biến trong chăn nuôi. | 2 | 2 |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | * Nêu được ý nghĩa của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi. **Thông hiểu:** * Phân tích được tác hại của bệnh trong chăn nuôi. * Giải thích được ý nghĩa của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi. * Phân biệt được phòng bệnh và trị bệnh. * Nêu được vai trò của phòng trị bệnh với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình và địa phương. |  |  |  |  |
| 4.2. Một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi (đặc điểm, nguyên nhân và biện pháp phòng, trị). | **Nhận biết:**   * Kể tên được một số bệnh phổ biến trên gia cầm. * Kể tên được một số bệnh phổ biến trên gia súc (lợn, trâu, bò và các gia súc khác). * Mô tả được đặc điểm một số bệnh phổ biến trên gia cầm. * Mô tả được đặc điểm một số bệnh phổ biến trên gia súc. - Nêu được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến trên gia cầm. * Nêu được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến trên gia súc. * Kể tên một số biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi. * Nêu được ưu nhược điểm của các biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi.   **Thông hiểu:** | 4 | 3 | 1 |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | * Phân biệt được các đặc điểm cơ bản của một số bệnh phổ biến trên gia cầm. * Phân biệt được các đặc điểm cơ bản của một số bệnh phổ biến trên gia súc. * Phân tích được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến trên gia cầm. * Phân tích được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến trên gia súc. * Tóm tắt được một số biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi. * Phân biệt được các biện pháp phòng, trị bệnh phổ biến trong chăn nuôi. * Phân tích được ưu nhược điểm của các biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi. * Lựa chọn được biện pháp phòng trị bệnh phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến.   **Vận dụng**   * Lựa chọn được biện pháp phòng trị bệnh phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương.   **Vận dụng cao**   * Đề xuất được biện pháp phòng trị bệnh phù hợp với thực tiễn chăn nuôi của gia đình, địa phương (đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi và môi trường). |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | 4.3. Một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. | **Nhận biết:**   * Kể tên được một số ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh vật nuôi. * Nêu được ưu điểm của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. * Nêu được ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. * Nêu được một số thành tựu của ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi.   **Thông hiểu:**   * Phân tích được ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. * Phân tích được ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. * Lựa chọn được biện pháp công nghệ sinh học phù hợp trong phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi.   **Vận dụng**  Lựa chọn được biện pháp công nghệ sinh học phù hợp trong phòng, trị một số bệnh phù hợp với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình, địa phương.  **Vận dụng cao**  Đề xuất được biện pháp công nghệ sinh học trong phòng trị bệnh phù hợp với thực tiễn chăn nuôi của gia đình | 3 | 2 |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2 | **5. Công nghệ chăn nuôi** | 5.1. Chuồng nuôi và bảo vệ môi  trường trong chăn nuôi | **Nhận biết:**   * Nêu được khái niệm chuồng nuôi. * Trình bày được những yêu cầu chung của chuồng nuôi. * Kể tên được các loại chuồng nuôi phổ biến trong chăn nuôi. * Nêu được đặc điểm của các loại chuồng nuôi phổ biến trong chăn nuôi. * Nêu được ý nghĩa của bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. - Kể tên được các biện pháp chủ yếu để vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.   **Thông hiểu**   * Giải thích được những yêu cầu chung của chuồng nuôi. - Phân tích được các yêu cầu về chuồng nuôi của một số vật nuôi phổ biến. * So sánh được các kiểu chuồng nuôi phổ biến trong chăn nuôi. * Phân tích được đặc điểm của các kiểu chuồng nuôi phổ biến trong chăn nuôi. * Giải thích được ý nghĩa của bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. * Tóm tắt được các biện pháp chủ yếu để vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. | 3 | 2 |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | * Đề xuất được kiểu chuồng nuôi phù hợp cho một loại vật nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương. * Đề xuất được biện pháp bảo vệ môi trường trong chăn nuôi phù hợp với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình, địa phương. |  |  |  |  |
| 5.2. Quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi phổ biến. | **Nhận biết:**   * Kể tên được các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc một số loại vật nuôi phổ biến (gà, lợn, bò,…). * Nêu được ý nghĩa của việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi. * Nêu được một số yêu cầu cơ bản về thức ăn đối với các loại vật nuôi phổ biến. * Nêu được một số yêu cầu cơ bản về chăm sóc đối với các loại vật nuôi phổ biến.   **Thông hiểu**   * Tóm tắt được quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc một số loại vật nuôi phổ biến (gà, lợn, bò,…). * Giải thích được ý nghĩa của việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.   **Vận dụng** | 4 | 3 | 1 |  |
|  |  |  | - Đề xuất được quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc phù hợp cho một loại vật nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương. |  |  |  |  |
|  | **Tổng số câu** | |  | **16** | **12** | **2** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG  **TRƯỜNG THPT THỦY SƠN**  **Đề thi gồm 04 trang** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II Mã đề thi:Đề gốc**  **NĂM HỌC: 2023-2024**  **MÔN: CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI 11**  *Thời gian làm bài: 45 phút; không kể thời gian phút* |

Họ, tên thí sinh:..................................................................... SBD: .............................

*Thí sinh không được sử dụng tài liệu !*

**I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

**Câu 1**. Đâu có thể là nguyên nhân gây ra bệnh viêm vú?

**A.** Điều kiện vệ sinh chuồng trại và thân thể vật nuôi không đảm bảo.

**B.** Không cho vật nuôi ăn thức ăn lên men.

**C.** Vắt sữa không đúng kĩ thuật,không vệ sinh bầu vú.

**D.** Cho vật nuôi thả rông và ăn bèo thủy sinh.

**Câu 2**. Bầu vú sưng, nóng, đỏ ,sữa có mùi tanh, lẫn máu mủ, con vật đau đớn. Đây là biểu hiện của bệnh:

**A.** Tụ huyết trùng. **B.** Lở mồm long mống. **C.** Chướng hơi dạ cỏ. **D.** Viêm vú ở bò.

**Câu 3.** Các nhóm bệnh chính ở vật nuôi là:

**A**. Bệnh nội khoa, bệnh truyền nhiễm

**B**. Bệnh nội khoa, bệnh sinh sản, bệnh kí sinh trùng, bệnh truyền nhiễm, các bệnh khác

**C**. Bệnh sinh sản, bệnh kí sinh trùng, bệnh truyền nhiễm

**D**. Bệnh kí sinh trùng, bệnh truyền nhiễm, bệnh nội khoa

**Câu 4**. . Mầm bệnh của bệnh tụ huyết trùng trâu bò là:

**A.** Vi khuẩn Gram dương Peptidoglycan. **B.** Vi khuẩn Gram dương Pasteurella.

**C.** Vi khuẩn Gram âm Peptidoglycan. **D.** Vi khuẩn Gram âm Pasteurella.

**Câu 5**: Đâu là biểu hiện điển hình của bệnh dịch tả lợn cổ điển:

**A**. Sốt cao, bỏ ăn, trên da có nhiều nốt xuất huyết đỏ như muỗi đốt, cơ quan nội tạng xuất huyết lấm chấm như đinh ghim

**B**. Sốt cao kèm tiêu chảy, cơ quan nội tạng xuất huyết đỏ như muỗi đốt

**C**. Sốt cao, bỏ ăn, uống nhiều nước, mũi khô

**D**. Trên da có nhiều nốt xuất huyết đỏ như muỗi đốt, bỏ ăn.

**Câu 6**. Đối với sức khoẻ cộng đồng, phòng, trị bệnh tốt sẽ:

**A.** giúp cung cấp nguồn thực phẩm an toàn và bổ dưỡng, góp phần quan trọng trong việc đảm bảo sức khoẻ cộng đồng.

**B.** giúp cho mọi người không bao giờ phải lưu tâm về chất lượng của đồ ăn thức uống.

**C.** giúp tạo ra hệ sinh thái lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần bao trùm lên cả cộng đồng.

**D.** bảo vệ cho người trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất cũng như người tiêu dùng và cộng đồng nói chung.

**Câu 7**: Đâu là nguyên nhân gây ra bênh đóng dấu lợn:

**A**. Vi khuẩn Gram dương **B**. RNA virus

**C**. Vi khuẩn và virus **D**. Do mầm bênh trong môi trường

**Câu 8:** Khi nói về bệnh giun đũa lợn, nhận định nào sai?

**A**. Là bệnh kí sinh trùng phổ biến xuất hiện ở lợn thả rông và ăn rau bèo thủy sinh tươi sống.

**B**. Định kì 2 tháng một lần tẩy giun cho lợn, kể cả lợn đang mang thai, đang nuôi con và lợn con theo mẹ.

**C** . Giun đũa lợn kí sinh trong ruột non của lợn, xâm nhập chủ yếu qua đường tiêu hóa.

**D**. Người và một số động vật có thể bị giun đũa khi ăn phải thức ăn có chứa mầm bệnh.

**Câu 9**. Trong một số bệnh phổ biến ở lợn, bệnh nào dưới đây có thể lây lan sang cho người ?

**A.** Bệnh dịch tả lợn và bệnh giun đũa lợn.

**B.** Bệnh đóng dấu lợn và bệnh giun đũa lợn.

**C.** Bệnh đóng dấu lợn và bệnh phân trắng lợn con.

**D.** Bệnh dịch tả lợn và bệnh phân trắng lợn con.

**Câu 10**: Đâu là nguyên nhân gây ra bênh cúm gia cầm:

**A**. Vi khuẩn Gram dương **B**. Vi rút cúm nhóm A

**C**. Vi khuẩn và virus **D**. Do mầm bênh trong môi trường

**Câu 11:** Đâu **không** phải biểu hiện đặc trưng của bệnh cúm gia cầm?

**A**. Thời gian ủ bệnh từ vài giờ đến vài ngày.

**B**. Con vật sốt cao, mệt mỏi, ủ rũ, đi loạng choạng, quay cuồng, khó thở, chảy nước mắt, nước mũi.

**C**. Qua thời gian ủ bệnh, từ 1 đến 3 ngày sau thì con vật chết do suy hô hấp và ngạt thở.

**D**. Mào hết nước, thâm tím.

**Câu 12**: Bệnh nào dưới đây không xảy ra ở lợn?

A. Bệnh tụ huyết trùng. **B**. Bệnh tai xanh. **C**. Bệnh dịch tả. **D**. Bệnh Newcatle.

**Câu 13 :** Có baonhiêu nhận định đúng khi nói về bệnh đóng dấu lợn?

(). Là bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn gây lên.

(). Xuất hiện ở lợn trên 3 tháng tuổi..

(). Khi bị bệnh, con vật không hề bị sốt, chỉ mệt dần rồi chết.

(). Thường ghép với bệnh tụ huyết trùng.

**A**.1 **B**.2 **C**.3 **D**.4

**Câu 14:** Câu nào sau đây **không** đúng về kiểu chuồng kín?

**A**.Chuồng được thiết kế khép kín hoàn toàn với hệ thống kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi tự động (quạt thông gió, hệ thống làm mát,...)

**B**.Chuồng kiểu này phù hợp với phương thức nuôi tại gia, quy mô nhỏ, góp phần giữ gìn vệ sinh.

**C**.Kiểu chuồng này dễ quản lí và kiểm soát dịch bệnh do ít chịu tác động của môi trường bên ngoài.

**D**.Chi phí đầu tư ban đầu cho hệ thống khá lớn.

**Câu 15**. Ý nào dưới đây không phải là nguyên nhân chính gây bệnh phân trắng lợn con ở lợn.

**A.** Do vi khuẩn. **B.** Do virut.

**C.** Do điều kiện vệ sinh, dinh dưỡng. **D.** Do đặc điểm sinh lí lợn con.

**Câu 16**: Đâu là biểu hiện điển hình của bệnh đóng dấu lợn:

**A**. Sốt cao, bỏ ăn; sưng khớp gối; trên da có dấu hình vuông, tròn, màu đỏ; nội tạng sung, màu đỏ

**B**. Sốt cao, bỏ ăn, trên da có dấu màu đỏ hình vuông.

**C**. Cơ quan nội tạng sưng đỏ, bỏ ăn

**D**. Sốt cao, bỏ ăn, sưng khớp.

**Câu 17**. Sử dụng thuốc kháng sinh có tác dụng với vi khuẩn Gram dương kết hợp với thuốc trợ sức là biện pháp điều trị bệnh nào dưới đây?

**A.** Bệnh dịch tả châu phi. **B.** Bệnh lở mồm long mống.

**C.** Bệnh giun sán ở lợn. **D.** Bệnh lợn đóng dấu.

**Câu 18.** Tác hại của bệnh trong chăn nuôi:

**A**. Ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con vật và năng suất chăn nuôi.

**B**. Tăng năng suất chăn nuôi

**C**. Cung cấp nguồn thực phẩm an toàn cho con người

**D**. Tăng sức đề kháng cho vật nuôi

**Câu 19**. Đâu **không** phải biện pháp phòng bệnh cúm gia cầm đúng cách?

**A.** Dùng đồ bảo hộ lao động. **B.** Nuôi phối hợp nhiều loại gia cầm với nhau.

**C.** Không ăn sản phẩm gia cầm chưa nấu chín.**D.** Không thả rông.

**Câu 20**. Đâu **không**phải biện pháp xử lí bệnh dịch tả lợn cổ điển?

**A.** Dùng thuốc đặc trị bệnh dịch tả lợn cổ điển.

**B.** Báo ngay cho cán bộ thú y để được hướng dẫn.

**C.** Cách li triệt để: không giết mổ hoặc di chuyển con vật ra khỏi khu vực chăn nuôi, cũng không chuyển lợn từ nơi khác về.

**D.** Tiến hành các biện pháp chống dịch :tiêu huỷ con vật chết và con vật bị bệnh; vệ sinh khử trùng triệt để khu vực chăn nuôi và phương tiện, dụng cụ bằng biện pháp thích hợp.

**Câu 21**. Trâu, bò bị nhiễm bệnh tiên mao trùng thông qua vật trung gian truyền bệnh là:

**A.** các loại châu chấu, sâu bọ. **B.** các loại thức ăn không hợp vệ sinh.

**C.** các loại cỏ đồng. **D.** các loại ruồi trâu hút máu.

**Câu 22**. . Đâu **không** phải biểu hiện của con vật bị bệnh chướng hơi dạ cỏ?

**A.** Dạ cỏ căng to, nhất là ở hõm hông bên trái.

**B**. Lưng hơi lõm xuống.

**C** Khó thở và có thể chết do ngạt thở trong trường hợp cấp tính.

D.Ngừng ăn.

**Câu 23**. Đâu là biểu hiện của bệnh phân trắng lợn con ở giai đoạn sau?

**A.** Con vẫn bú mẹ, phân màu vàng vón lại như hạt đậu, sau đó phân loãng dần và có màu trắng.

**B.** Con vật bỏ bú, run rẩy, hạ thân nhiệt ,thường chết 5-7 ngày nếu không được điều trị.

**C.** Con vật trở nên yếu hẳn về thị giác và thính giác.

**D.** Con vật gầy còm, xù lông, viêm phổi.

**Câu 24**. .Sử dụng thuốc kháng sinh có tác dụng với vi khuẩn Gram âm kết hợp với thuốc trợ sức là phương pháp điều trị bệnh:

**A.** Tiên mao trùng. **B.** Chướng hơi dạ cỏ. **C.** Tụ huyết trùng trâu bò. **D.** Viêm vú ở bò.

**Câu 25**: Nguyên nhân gây bệnh tụ huyết trùng ở trâu bò là do

**A**. vi khuẩn Gram âm *Pasteurella.* **B**. vi khuẩn Gram dương *Pasteurella.*

**C**. tiên mao trùng *Trypanosoma evansi* **D**. RNA virus.

**Câu 26:** Đặc điểm nổi bật của bệnh tụ huyết trùng trâu bò là gì?

**A**. Gây tụ huyết ở trong tim, khó nhận biết

**B**. Gây tụ huyết, xuất huyết ở những vùng nhất định trên cơ thể

**C**. Gây xuất huyết ở mọi bộ phân trên cơ thể

**D**. Viêm loét thực quản.

**Câu 27**:Bệnh tụ huyết trùng ở lợn thuộc loại bệnh gì?

**A**. Bệnh truyền nhiễm **B**. Bệnh không truyền nhiễm

**C**. Bệnh kí sinh trùng **D**. Bệnh di truyền

**Câu 28 :** Có baonhiêu nhận định đúng khi nói về đặc điểm của chuồng nuôi?

(). Xây dựng chuồng nuôi ở gần khu dân cư.

(). Xây dựng theo hướng Nam hoặc Đông Nam.

(). Nền chuồng nuôi ẩm ướt..

(). Có hệ thống xử lý chất thải hợp vệ sinh.

**A**.1 **B**.2 **C**.3 **D**.4

**II. TỰ LUẬN ( 3 điểm)**

**Câu 1**: Trâu bò có biểu hiện dạ cỏ căng to, lưng hơi cong lên, con vật ngừng ăn, khó thở rồi có thể chết do ngạt thở trong trường hợp cấp tính.

a.Đó là dấu hiệu của bệnh gì?Nguyên nhân gây bệnh?

b.Cách phòng và trị bệnh ?

**Câu 2**: Khi xây dựng chuồng cho vật nuôi, cần chú ý đến những yêu cầu gì?

----------------------------------- HẾT --------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG**  **TRƯỜNG THPT THỦY SƠN**  *ĐỀ CHÍNH THỨC* | **ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA**  **GIỮA HỌC KỲ II**  **Năm học: 2023-2024**  **Môn: CÔNG NGHỆ 11- Đề số 211** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (***7 điểm* **)( Mỗi câu đúng 0,25 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| ĐA | C | D | B | D | A | A | A | B | B | B | D | D | C | B |
| Câu | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |
| ĐA | B | A | D | A | B | A | D | B | B | C | A | B | A | B |

I**I. TỰ LUẬN (** *3 điểm***)**

**Câu 1 :** *( 2 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý hỏi** | **Đáp án** | **Số điểm** |
| ***Loại bệnh*** | * Bệnh chướng hơi dạ cỏ | 0,5 |
| ***Nguyên nhân*** | * - Bệnh thường xuất hiện khi con vật ăn quá nhiều thức ăn dễ lên men sinh hơi như lá cải bắp, lá khoai lang, ngọn mía, cỏ bị ướt sương hoặc nước mưa, …; thức ăn nhiễm chất độc phosphorus hữu cơ. | 0,5 |
| ***Phòng bệnh*** | - Tránh cho con vật ăn quá nhiều các loại thức ăn dễ lên men sinh hơi. | 0,5 |
| ***Trị bệnh*** | - Khi phát hiện bệnh thì cần báo bác sĩ thú y để được tư vấn điều trị kịp thời.  - Con vật nằm kê cao đầu; dùng rơm, cỏ khô chà xát vào vùng hõm hông bên trái; dùng tay kéo lưỡi con vật theo nhịp thở; có thể móc bớt phân ở trực tràng.  - Bệnh có thể điều trị được bằng một số bài thuốc đông y. | 0,5 |

**Câu 2: Những yêu cầu khi xây dựng chuồng nuôi (***1 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** |  | **Số điểm** |
| **a) Các yêu cầu** | 1. **-** Địa điểm: Nên xây dựng ở nơi yên tĩnh, xa khu dân cư, trường học. 2. - Hướng chuồng: Nam hoặc Đông Nam 3. - Nền chuồng: Khô ráo, ấm áp, chắc chắn, có độ dốc vừa phải 4. - Kiến trúc xây dựng:   Thiết kế phù hợp với từng loại vật nuôi.  Thuận tiện chăm sóc,nuôi dưỡng, quản lí và thu gom chất thải. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |